

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 282/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-BKTNS ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (gọi tắt là Chương trình).

### 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

### **Điều 2. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 289/2020/NQ-HĐND ngày 02/01/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### **Điều 3. Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp**

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ: Từ ngân sách trung ương tối đa 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 4. Chi tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức**

1. Nội dung hỗ trợ: Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

2. Mức hỗ trợ: Tối đa 100% chi phí được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền giao.

### **Điều 5. Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp**

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên



địa bàn tỉnh Kiên Giang; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **Điều 6. Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại**

### **1. Nội dung hỗ trợ**

a) Hỗ trợ cơ giới hóa: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp và Thông tư số 02/2016/TT-BNNPTNT ngày 22/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung danh mục chủng loại máy, thiết bị được hưởng chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại: Thực hiện theo Nghị quyết số 332/2020/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ không quá 50% kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Điều 7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn**

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và khoản 2 Điều 12 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 50% kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/làng nghề.

**Điều 8. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở**

1. Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức hỗ trợ tối đa như sau:

- a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.
- b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.
- c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.
- d) Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức hỗ trợ tối đa như sau:

- a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.
- b) Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.
- c) Tủ sách ấp: 30 triệu đồng/01 tủ sách.

3. Hỗ trợ: Kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp. Mức hỗ trợ tối đa như sau:

- a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã 50 triệu đồng/01 năm.
- b) Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp ấp 30 triệu đồng/01 năm.

**Điều 9. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp**

1. Nội dung hỗ trợ: Theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 10. Nội dung và mức chi hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30, Điều 31, khoản 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Thông tư 53/2022/TT-BTC**

- 1. Nội dung hỗ trợ



a) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh. Quy mô thực hiện mô hình, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung cụ thể của mô hình theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định khu vực ô nhiễm; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình áp sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

e) Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Mức hỗ trợ: Từ ngân sách trung ương tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 11. Nội dung và mức chi hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40, khoản 4 Điều 42 và khoản 7 Điều 45 Thông tư 53/2022/TT-BTC**

**1. Nội dung hỗ trợ**

a) Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

**Mai Văn Huỳnh**